

# KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: BÉ BIẾT GÌ VỀ BẢN THÂN TẾT TRUNG THU

*Thời gian thực hiện 4 tuần: Từ ngày 29/09/2025 đến ngày 24/10/2025*

| STT                             | SMT | Độ tuổi       | Mục tiêu                                                                                             | Nội dung giáo dục                                                                                                                               |       | Nội dung hoạt động                                                                                                                                                         | Điều chỉnh bổ sung |
|---------------------------------|-----|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|                                 |     |               |                                                                                                      | Chung                                                                                                                                           | Riêng |                                                                                                                                                                            |                    |
| 1. Lĩnh vực phát triển thể chất |     |               |                                                                                                      |                                                                                                                                                 |       |                                                                                                                                                                            |                    |
| a. Lĩnh vực phát triển vận động |     |               |                                                                                                      |                                                                                                                                                 |       |                                                                                                                                                                            |                    |
| 1                               | 1   | 18-24 tháng   | - Trẻ có khả năng bắt chước một số động tác theo cô:<br>Giơ cao tay – đưa về phía trước – sang ngang | - Hô hấp: Thổi bóng, gà trống gáy.<br>- Tay:<br>+ Hai tay giơ cao, hạ xuống<br>+ Đưa sang ngang, hạ xuống                                       |       | - Hô hấp: Thổi bóng, gà trống gáy.<br>- Tay:<br>+ Hai tay giơ cao, hạ xuống<br>+ Đưa sang ngang, hạ xuống<br>- Lưng, bụng, lườn:<br>+ Cúi về phía trước                    |                    |
| 2                               | 2   | 24-36 tháng   | - Trẻ có khả năng thực hiện được động tác trong bài thể dục: hít thở, tay,lưng/bụng và chân          | - Lưng, bụng, lườn:<br>+ Cúi về phía trước<br>+ Nghiêng người sang 2 bên phải, trái<br>- Chân:<br>+ Ngồi xuống, đứng lên<br>+ Co duỗi từng chân |       | + Nghiêng người sang 2 bên phải, trái<br>- Chân:<br>+ Ngồi xuống, đứng lên<br>+ Co duỗi từng chân<br>- Tập theo nhạc bài hát: Thể dục sáng - Trò chơi: Chi chi chành chành |                    |
| 3                               | 3   | 18 – 24 tháng | - Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo hiệu lệnh                                   | * Đi, Chạy:<br>- Đi trong đường hẹp                                                                                                             |       | * Chơi tập có chủ định:<br>- Đi trong đường hẹp.<br>- TCVD: Tay đẹp                                                                                                        |                    |

|   |   |               |                                                                                                             |                                         |  |                                                                       |  |
|---|---|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------|--|
| 4 | 4 | 24-36 tháng   | - Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng trong vận động                                                        |                                         |  |                                                                       |  |
| 5 | 5 | 18 – 24 tháng | - Trẻ có thể phối hợp vận động tay<br>- mắt trong vận động:                                                 | * Tung, ném, bắt<br>- Tung bóng qua dây |  | * Chơi tập có chủ định:<br>- Tung bóng qua dây<br>- TCVD: Tìm bóng    |  |
| 6 | 6 | 24 - 36 tháng | - Trẻ có thể phối hợp vận động tay<br>- mắt: tung-bắt bóng với cô khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1->1, 2m. |                                         |  |                                                                       |  |
| 7 | 7 | 18 – 24 tháng | - Trẻ có khả năng phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản                     | * Bò , Trườn:<br>- Bò chui qua cổng     |  | * Chơi tập có chủ định:<br>- Bò chui qua cổng<br>- TCVD: Quả bóng nảy |  |
| 8 | 8 | 24- 36 tháng  | - Trẻ có thể phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.                         |                                         |  |                                                                       |  |
| 9 | 9 | 18 – 24 tháng | - Trẻ có khả năng thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong                                                        | * Nhún bật:<br>- Bật qua vạch kẻ        |  | * Chơi tập có chủ định:<br>- Bật qua vạch kẻ<br>- TCVD: Lộn cầu vòng  |  |

|    |    |               |                                                                                                                               |  |                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
|----|----|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |    |               | vận động ném, đá bóng: ném bằng 1 tay lên phía trước được khoảng 1,2m: đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m                |  |                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 10 | 10 | 24 – 36 tháng | - Trẻ có khả năng thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m) |  |                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 11 | 11 | 18 – 24 tháng | - Trẻ biết nhặt các vật nhỏ bằng 2 ngón tay                                                                                   |  | - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật.                                                 | * Chơi- tập có chủ định:<br>- HĐVĐV:<br>+ Xé vụn giấy<br>+ Xâu vòng màu đỏ<br>+ Xâu vòng màu vàng<br>+ Trang trí đèn ông sao<br>* Hoạt động chơi:<br>- Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật.<br>- Hai tay làm động tác rót, nhào, khấy, đào, vò xé giấy, lá khô, túi bóng...<br>+ Chơi với bóng, chơi ném |  |
| 12 | 12 | 24 – 36 tháng | - Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "múa khéo"                                                          |  | - Hai tay làm động tác rót, nhào, khấy, đào, vò xé giấy, lá khô, túi bóng... |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 12 | 13 | 18- 24 tháng  | - Trẻ có khả năng tháo lắp, lồng                                                                                              |  | - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  |

|    |    |              |                                                                                                                                                           |  |               |                                                                              |  |
|----|----|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------|------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |    |              | được 3 -4 hộp tròn, xếp chồng được 2 – 3 khối trụ.                                                                                                        |  | cúc, buộc dây | vòng<br>+ Chơi với ô tô,tập các vận động xoay tay<br>- Trò chơi mới: Tay đẹp |  |
| 14 | 14 | 24- 36 tháng | - Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ. |  |               |                                                                              |  |

#### **b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

|    |    |               |                                                                                    |                                                             |                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                               |  |
|----|----|---------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 15 | 15 | 18 – 24 tháng | - Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau  | - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. |                                                                                                                                             | * Hoạt động ăn:<br>+ Giới thiệu với trẻ về các món ăn hàng ngày trong tuần.<br>+ Cô hướng dẫn một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; bỏ rác đúng nơi quy định. |  |
| 16 | 16 | 24 – 36 tháng | - Trẻ có khả năng thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau |                                                             | - Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; bỏ rác đúng nơi quy định. |                                                                                                                                                                                                                               |  |

|    |    |               |                                                                                                                      |  |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                            |  |
|----|----|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 17 | 17 | 18- 24 tháng  | - Trẻ có thể ngủ 1 giấc buổi trưa                                                                                    |  | - Tập thể hiện khi có nhu cầu ngủ                                                     | * Hoạt động ngủ:<br>+ Tập cho trẻ thói quen nói với người lớn khi có nhu cầu ngủ                                                                                                                                                                           |  |
| 18 | 18 | 24 – 36 tháng | - Trẻ có thể ngủ 1 giấc buổi trưa                                                                                    |  | - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ngủ                                            |                                                                                                                                                                                                                                                            |  |
| 19 | 19 | 18- 24 tháng  | - Trẻ biết gọi người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh                                                                   |  | - Tập ra ngoài bô khi có nhu cầu vệ sinh                                              | * Hoạt động vệ sinh:<br>- Quan sát, trò chuyện, nhắc nhở trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định.                                                                                                                                                                 |  |
| 20 | 20 | 24 – 36 tháng | - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định                                                                              |  | - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.                                    |                                                                                                                                                                                                                                                            |  |
| 21 | 21 | 18 – 24 tháng | - Trẻ có thể làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước) |  | - Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc<br>- Tập ngồi vào bàn ăn                | * Hoạt động ăn:<br>+ Cô hướng dẫn ngồi vào bàn ăn, Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc.<br>+ Giới thiệu và trò chuyện cùng trẻ về các món ăn, cho trẻ mời cô mời bạn trước khi ăn.<br>+ Hướng dẫn trẻ mặc quần áo, cởi quần áo khi bị ướt, bị bẩn. |  |
| 22 | 22 | 24- 36 tháng  | - Trẻ có thể làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh)                           |  | Tự phục vụ:<br>+ Xúc cơm, uống nước<br>+ Mặc quần áo, cởi quần áo khi bị ướt, bị bẩn. | + Hướng dẫn trẻ vận vôi, mở khóa lấy nước uống sau khi ăn.<br>* Hoạt động vệ sinh:<br>+ Hướng dẫn trẻ rửa tay trước                                                                                                                                        |  |

|    |    |               |                                                                                                              |                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |
|----|----|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |    |               |                                                                                                              |                                                                                                                                                         | - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Rửa tay trước khi ăn;                                                                                                           | khi ăn, lau miệng sau khi ăn.                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |
| 23 | 23 | 24 – 36 tháng | - Trẻ biết chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh                          |                                                                                                                                                         | - Đội mũ khi ra nắng, biết nắng làm mình bị ốm.<br>- Đi giày dép.<br>- Nhận ra sự thay đổi của thời tiết: Nóng, lạnh, nắng, mưa, gió, bão.<br>- Mặc quần áo ấm khi trời lạnh. | * Hoạt động đón / trả trẻ:<br>Trò chuyện với trẻ đội mũ khi ra nắng, biết nắng làm mình bị ốm.<br>- Đi giày dép.<br>- Nhận ra sự thay đổi của thời tiết: Nóng, lạnh, nắng, mưa, gió, bão.<br>- Mặc quần áo ấm khi trời lạnh.<br>+ Cho trẻ xem tranh ảnh, video về hành động Nguy hiểm, không được Làm |  |
| 24 | 26 | 18- 24 tháng  | - Trẻ có khả năng tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn ghế ) khi được nhắc nhở. | - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (leo trèo lên lan can, đu bám giá đồ chơi, xô đẩy bạn, đóng mở cửa, kéo, với các vật trên cao...) |                                                                                                                                                                               | + Quan sát, trò chuyện Về hành động nguy Hiểm không được làm                                                                                                                                                                                                                                          |  |
| 25 | 27 | 24 – 36 tháng | - Trẻ có thể biết và tránh một số hành động nguy                                                             |                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |

|                                         |    |                   |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
|-----------------------------------------|----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                                         |    |                   | hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.            |                                                                                  |                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
| <b>2. Lĩnh vực Phát triển nhận thức</b> |    |                   |                                                                                        |                                                                                  |                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
| 26                                      | 28 | Trẻ 18 – 24 tháng | - Trẻ có khả năng sờ, nắn, nhìn, nghe ... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng. | - Ném mùi vị của một số thức ăn: Canh, món xào, món luộc, quả (Ngọt- mặn- chua). | - Ngửi mùi của 1 số hoa, quả quen thuộc, gần gũi                                                                             | * Chơi- tập có chủ định:<br>Trải nghiệm 1 số vị giác ( Ném vị của 1 số thức ăn, quả nhận biết vị ngọt, chua)<br>* Hoạt động ăn:<br>- Cho trẻ nếm vị ngọt của canh rau ngót, vị thơm ngon của thịt băm.<br>* Hoạt động góc:<br>- GTTV: Nấu ăn cho trẻ nếm vị của rau luộc, vị mặn của cá kho. |  |
| 27                                      | 29 | Trẻ 24 – 36 tháng | - Trẻ thích sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.  |                                                                                  | - Sờ nắn, nhìn, ngửi...để nhận biết đặc điểm nổi bật tên gọi, màu sắc, hình dạng, mùi vị... của đồ vật, hoa, quả quen thuộc. |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
| 28                                      | 30 | Trẻ 18 – 24 tháng | - Trẻ có khả năng bắt chước hành động đơn giản của những người thân.                   |                                                                                  | - Đồ dùng đồ chơi của bản thân                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
| 29                                      | 31 | Trẻ 24 – 36 tháng | - Trẻ có thể bắt chước được một số hành động quen thuộc của                            |                                                                                  | - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân, bạn trai: Bóng, ô tô..., bạn gái: Búp bê, nấu ăn...                                         | + Chơi với đồ chơi ở các góc                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |

|    |    |               |                                                                                       |  |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
|----|----|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |    |               | những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.                 |  |                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 30 | 32 | 18 – 24 tháng | - Trẻ có thể chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi         |  | - Tên của bản thân<br>- Hình ảnh bản thân trong gương<br>- Tên của một số người thân gần gũi, nhóm lớp            | * Chơi- tập có chủ định:<br>- PTTCXH: Bé giới thiệu về mình<br>- Nhận biết một số bộ phận trên cơ thể tay, chân( Tích hợp NB phía trên- dưới của bé)<br>+ Cho trẻ nói các từ “Bàn tay, đôi chân”<br>- PTCCXH: Nhận biết và thể trạng thái cảm xúc: vui, buồn<br>* Hoạt động chơi:<br>- Xem vi deo về bạn trai bạn gái, quan sát trò chuyện về bạn trai bạn gái.<br>- Cho trẻ nói từ “Cái mũi, đôi mắt, cái miệng” |  |
| 31 | 33 | 24 – 36 tháng | - Trẻ có thể nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.           |  | - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân, bạn trai, bạn gái.<br>- Tên của cô giáo, các bạn trong nhóm/lớp. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 32 | 34 | 18 – 24 tháng | - Trẻ có khả năng chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi. |  | - Tên, một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 33 | 35 | 24 – 36 tháng | - Trẻ có thể nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.        |  | - Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |

|    |    |               |                                                                                                               |                                                                                      |                                                                             |                                                                                                                                                                                            |  |
|----|----|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 34 | 36 | 18 – 24 tháng | - Trẻ có khả năng chỉ/ lấy/ nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn. | - Tên, đặc điểm nổi bật về một số đồ chơi trung thu (trải nghiệm vui tết trung thu). | - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số bộ phận của cơ thể quen thuộc. |                                                                                                                                                                                            |  |
| 35 | 37 | 24 – 36 tháng | - Trẻ có thể nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.            |                                                                                      | - Tên, đặc điểm nổi bật của một số đồ chơi ở lớp.                           |                                                                                                                                                                                            |  |
| 36 | 38 | 18 – 24 tháng | - Trẻ có khả năng chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc màu xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn     | - Nhận biết màu xanh – màu đỏ - màu vàng<br>- Kích thước to nhỏ                      |                                                                             | * Chơi- tập có chủ định:<br>- Xâu vòng Màu đỏ<br>- Xâu vòng màu vàng<br>* Hoạt động vui chơi:<br>+ TCM: Tập tầm vông<br>+ TCM: Một hai ba ta đều bước<br>+ TCM: Tay đẹp                    |  |
| 37 | 39 | 24 – 36 tháng | - Trẻ có thể chỉ/ nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.                         |                                                                                      |                                                                             | + TCM: Bong bóng xà phòng<br>* Hoạt động chơi:<br>- Cho trẻ chơi với quả bóng, hạt vòng màu đỏ, xanh, vàng.<br>- Yêu cầu trẻ chỉ, nói tên và cất đồ chơi, đồ dùng ở lớp vào đúng góc chơi. |  |

|                                        |    |               |                                                                                                                 |  |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                          |  |
|----------------------------------------|----|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 38                                     | 40 | 24 – 36 tháng | - Trẻ có thể chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.                             |  | - Kích thước ( To, nhỏ).<br>- Hình tròn – hình vuông.<br>- Vị trí trong không gian (trên – dưới ; trước – sau) so với bản thân trẻ.<br>- Số lượng (một – nhiều). | * Hoạt động chơi:<br>- Yêu cầu trẻ chỉ, lấy đồ chơi ở vị trí khác nhau trong không gian so với bản thân.                                 |  |
| <b>3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ</b> |    |               |                                                                                                                 |  |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                          |  |
| 39                                     | 43 | 18 – 24 tháng | - Trẻ có khả năng hiểu được từ “Không” dùng hành động khi nghe “Không được lấy!”; “Không được sờ!”              |  | - Nghe và hiểu được từ “Không” dùng hành động khi nghe “Không được lấy!”; “Không được sờ!”                                                                       | * Hoạt động chơi:<br>+ Cho trẻ chơi với đồ chơi, khi chơi cô nhắc trẻ không được lấy đồ chơi của bạn, không được sờ vào đồ chơi bị vỡ,.. |  |
| 40                                     | 44 | 24 – 36 tháng | - Trẻ trả lời được các câu hỏi: Cái gì? Ai đây? Ở đâu? Để làm gì? Tại sao thế nào? (ví dụ: Con gà gáy thế nào?) |  | - Nghe các câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Ở đâu? Để làm gì? Như thế nào?<br>- Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì? Làm gì? ở đâu? Thế nào? Để làm gì? Tại sao?              | * Hoạt động vui chơi:<br>- Cho trẻ dạo chơi xung quanh sân trường và hỏi trẻ các câu hỏi đây là cái gì? Ai đây? .....                    |  |
| 41                                     | 45 | 18 – 24       | - Trẻ trả lời                                                                                                   |  | - Nghe các câu hỏi: Ở                                                                                                                                            |                                                                                                                                          |  |

|    |    |               |                                                                                                                                  |  |                                                                                                                                      |                                                                                                                                                         |  |
|----|----|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |    | tháng         | được các câu hỏi đơn giản: Cái gì? Ai đây? Con gì đây? Cái gì đây?                                                               |  | đâu? Con gì? Thế nào?( Gà gáy thế nào?) Cái gì? Làm gì?.                                                                             |                                                                                                                                                         |  |
| 42 | 46 | 24 – 36 tháng | - Trẻ có thể hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. |  | - Kể lại đoạn được vài câu thoại trong truyện cùng cô                                                                                | * Chơi- tập có chủ định:<br>+ Truyện: Cả nhà ăn dưa hấu                                                                                                 |  |
| 43 | 48 | 24 – 36 tháng | - Trẻ có khả năng phát âm rõ tiếng.                                                                                              |  | - Phát âm các âm khác nhau                                                                                                           | * Hoạt động đón trẻ:<br>TCTV: Mái tóc, Đền ông sao;<br>Cái tay, Cái chân, Miệng,....                                                                    |  |
| 44 | 49 | 18 – 24 tháng | - Trẻ có khả năng đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc                                                |  | - Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ<br>- Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh. | * Chơi- tập có chủ định:<br>- Thơ: Bạn của em<br>- Thơ: Sao lấp lánh<br>- Thơ: Miệng xinh<br>* Hoạt động chơi:<br>+ Nghe các bài đồng dao: Tập tầm vông |  |

|                                                          |    |               |                                                                                                |  |                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                           |  |
|----------------------------------------------------------|----|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 45                                                       | 50 | 24 – 36 tháng | - Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.                           |  | - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.                                                                               |                                                                                                                                                                                                                           |  |
| <b>4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ</b> |    |               |                                                                                                |  |                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                           |  |
| 46                                                       | 56 | 18 -24 tháng  | - Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (Chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi) |  | - Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân                                                                                           | * Chơi- tập có chủ định:<br>- PTTCXH: Bé giới thiệu về mình ( Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân)<br>- Nhận biết 1 số bộ phận trên cơ thể tay, chân ( Tích hợp NB phía trên- dưới của bé)<br>* Hoạt động chơi: |  |
| 47                                                       | 57 | 24 – 36 tháng | - Trẻ nói được một vài thông tin về bản thân mình (tên, tuổi).                                 |  | - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân, bạn trai: Tóc ngắn, mặc quần áo; bạn gái: Tóc dài, buộc nơ, mặc váy | - Cho trẻ xem vi deo giới thiệu về bạn trai, bạn gái, cô trò chuyện với trẻ về bạn trai, bạn gái<br>Cho trẻ nói các từ “Bạn trai, bạn gái”                                                                                |  |
| 48                                                       | 61 | 18 – 24 tháng | - Trẻ có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình                       |  | - Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh                                                                           | * Chơi- tập có chủ định:<br>- PTTCXH: Nhận biết và thể trạng thái cảm xúc: Vui, buồn<br>* Hoạt động giao lưu cảm xúc:<br>- Cô âu yếm, gần gũi nhẹ nhàng trò chuyện với trẻ về tên, tuổi                                   |  |

|    |    |               |                                                                                                         |  |                                                                                                                                              |                                                                                                         |  |
|----|----|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |    |               | với người xung quanh                                                                                    |  |                                                                                                                                              | của trẻ.<br>- Cho trẻ chỉ vào một số bộ phận bên ngoài của bản thân và nói mình là bạn trai hay bạn gái |  |
| 49 | 62 | 24 – 36 tháng | - Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.                                              |  | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận.                                                                                   |                                                                                                         |  |
| 50 | 63 | 24 – 36 tháng | - Biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ                                                |  |                                                                                                                                              |                                                                                                         |  |
| 51 | 68 | 18 – 24 tháng | - Trẻ có khả năng bắt chước được một vài hành vi xã hội ( Bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...) |  | - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi                                                                                                               | * Hoạt động chơi:<br>+ Chơi với các đồ ở các góc như: Chơi bế em, cho em ăn, ru e ngủ                   |  |
| 52 | 69 | 24 – 36 tháng | - Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ                                  |  | - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi thao tác vai (bế em, cho em bé ăn, nghe điện thoại...). |                                                                                                         |  |

|    |    |               |                                                                           |                                                                                     |                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                               |  |
|----|----|---------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |    |               | (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).                |                                                                                     |                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                               |  |
| 53 | 71 | 18 – 24 tháng | - Trẻ có khả năng làm theo 1 số yêu cầu đơn giản của người lớn            | - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên: Ngồi vào ghế, đi vệ sinh, đi dép        |                                                                                                                                                                      | * Hoạt động ăn:<br>- Nhắc trẻ xếp hàng khi lên xin cơm, canh.<br>- Ăn xong cất bát vào rổ<br>* Hoạt động vệ sinh:<br>- Nhắc trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định. |  |
| 54 | 72 | 24 – 36 tháng | - Trẻ thực hiện được một số yêu cầu của người lớn.                        |                                                                                     | - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định, ăn xong cất bát vào rổ, vứt rác vào thùng rác. |                                                                                                                                                               |  |
| 55 | 73 | 18 – 24 tháng | - Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (Giậm chân, lắc lư, vỗ tay...) | - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.<br>- Nghe đàn điệu của dân ca địa phương, | - Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ                                                                                                                 | * Chơi- tập có chủ định: Nghe hát và hát các bài:<br>- Nghe hát:<br>+ NH: Chiếc đèn ông sao.<br>+ NH: Chiếc khăn tay<br>+ NH: Quả bóng                        |  |
| 56 | 74 | 24 – 36 tháng | - Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo                                  | những bài hát ru.                                                                   | - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau.<br>- Nghe và nhận biết được                                                                                       | - Dạy hát bài:<br>+ Tay thơm, tay ngoan<br>- Vận động: + Chim mẹ, chim                                                                                        |  |

|    |    |               |                                                                                        |                                              |                                                                                                                         |                                                                                                                                    |  |
|----|----|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|    |    |               | một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.                                                  |                                              | âm thanh của các nhạc cụ: Xắc xô, phách tre, mõ, trống...                                                               | con<br>+ Tập tầm vông<br>- Trò chơi âm nhạc:<br>+ Vỗ tay to-nhỏ<br>* Hoạt động chơi:<br>+ Hát và vận động các bài hát trong chủ đề |  |
| 57 | 75 | 18 – 24 tháng | - Trẻ có khả năng thích vẽ, xem tranh                                                  | - Xem tranh, ảnh<br>- Nặn xoay tròn, lăn dọc | - Tập cầm bút                                                                                                           | * Chơi- tập có chủ định:<br>- Hoạt động với đồ vật:<br>+ Trang trí đèn ông sao                                                     |  |
| 58 | 76 | 24 – 36 tháng | - Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc) | - Xé giấy vụn, vò giấy                       | - Vẽ các đường nét khác nhau, cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc (vẽ tổ chim, vẽ quả bóng...)<br>- Xếp hình từ các khối gỗ | + Xé vụn giấy<br>* Hoạt động chơi:<br>+ Sử dụng bút vẽ nguệch ngoạc<br>+ Xếp hình từ các khối gỗ                                   |  |

**Mường Lói, Ngày 26 tháng 09 năm 2025**

**BGH ký duyệt**

**Quàng Thị Hằng Thu**